

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 29 / 2018 /HS-ST

Ngày 07/ 6 /2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thỏa; Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Diệu Thúy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn tham gia phiên tòa:

Bà: Lại Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29 / 2018 /TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30 / 2018 /QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo :

NGUYỄN NGỌC Đ sinh ngày 27 tháng 9 năm 1994 tại: Huyện H , tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn B , xã H , huyện H , tỉnh T ; nghề nghiệp : Nhân viên quỹ tín dụng nhân dân xã H , huyện H , tỉnh T ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh giới tính: Nam ; tôn giáo: không ; Quốc tịch: Việt nam; Con ông : Nguyễn Ngọc T sinh năm 1971 và bà : Tống Thị D sinh năm 1975; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày: 12 /02/2018 đến ngày 02/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Cao C sinh năm 1995

Trú tại: Tổ X , khu phố Y , phường L , thị xã B , tỉnh T . (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH L

Người đại diện theo pháp luật : Ông Đinh Xuân D chức vụ: Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Thôn N , xã Q , thị xã B , tỉnh T

Người được ủy quyền: Ông Phạm Sơn L - chức vụ: Kế toán

(theo giấy ủy quyền ngày 7 tháng 6 năm 2018 của giám đốc công ty L) - có mặt tại phiên tòa.

- Anh Tống Duy T sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm S , phường Đ , thị xã B , tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết với Trần Cao C là lái xe của công ty TNHH L, đóng tại đường N , phường N, thị xã B. Thấy việc thuê xe ô tô tự lái tại công ty L dễ dàng nên Nguyễn Ngọc Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô của công ty L để cầm lấy tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ . Để thực hiện ý định trên, ngày 03/2/2018 Đ gọi điện cho Trần Cao C yêu cầu C thuê xe tự lái của công ty L để chở Đ đi đám cưới tại Thành phố T trong thời hạn 2 ngày . C đồng ý. Sáng ngày 4/2/2018 Đ đưa cho C 2.000.000đ để làm hợp đồng thuê xe. Trần Cao C cầm tiền đến công ty L ký hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI , 7 chỗ màu đen, biển kiểm soát 36 A - 066.21, trong thời hạn 2 ngày kể từ 7 giờ 00 phút ngày 04/2/2018 đến 18 giờ 00 phút ngày 5/2/2018 . Sau đó, Cường điều khiển chiếc xe đến nhà nghỉ XX phường N , thị xã B , tỉnh T đón Nguyễn Ngọc Đ đi vào H và đi lên thành phố T theo sự chỉ dẫn của Đ . Khoảng 15 giờ ngày 04/2/2018, Đ và C quay về thị xã B tìm quán nước uống tại quán nước vỉa hè gần khu vực cổng trường phổ thông B thuộc phường B , thị xã B . Tại đây, Đ nói với C “ cho anh mượn xe đi đón bạn một lát quay lại trả” . C tưởng thật nên đồng ý đưa chìa khóa xe ô tô cho Đ , toàn bộ giấy tờ xe để trong ô tô. Ngay sau khi nhận được xe ô tô từ C , Đ điều khiển xe đến chỗ ở của bạn là Vũ Trường G sinh năm 1991 trú tại khu phố 3, phường B , thị xã B nhờ G tìm chỗ cầm cố xe. Vũ Trường G dẫn Đ đến hiệu cầm đồ của anh Tống Duy T cầm cố được 120.000.000đ . Số tiền này Đ dùng trả nợ hết 50.000.000đ mua 01 số lô của một người phụ nữ bán lô đề tại khu vực ngã tư Quốc lộ 1A phường N , thị xã B hết 67.500.000đ còn lại 2.500.000đ Đ tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 12/2/2018 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Ngọc Đ đến công an thị xã B xin đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 12/2/2018, sau khi biết chiếc xe do Nguyễn Ngọc Đ

cầm cố là vật chứng của vụ án anh Tổng Duy T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã B gồm:

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI, loại GRANDIS NA\$WLRUYL VT, 07 chỗ ngồi màu đen biển kiểm soát 36 A - 066.21 đã qua sử dụng.

+ 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định đăng ký xe ô tô số 011918 mang tên chủ xe Nguyễn Văn Phúc địa chỉ: số 03/07 T , P Đ , Thành phố T BKS 36 A - 066.21

+ 01 giấy chứng nhận kiểm định số 3635981 BKS 36 A - 066.21.

+ 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 002728810 tên chủ xe Nguyễn Văn P BKS 36 A -06621;

Ngày 16/3/2018 Hội đồng định giá tài sản thị xã B định giá kết luận 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI, loại GRANDIS NA\$WLRUYL VT , 07 chỗ ngồi màu đen BKS 36 A -06621 số máy 4G 69NH8205 số khung RLA))NA4 W\$81000023 sản xuất năm 2008 (đăng ký lần đầu ngày 27/3/2008 đã qua sử dụng có giá trị hiện tại là **175.000.000đ** (*một trăm bảy lăm triệu đồng*).

Ngày 14/02/2018 cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Bim sơn đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho chủ sở hữu là công ty TNHH L . Ngày 31/3/2018, gia đình Nguyễn Ngọc Đ đã trả lại số tiền 120.000.000đ cho anh Tổng Duy T . Anh T đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Tổng Duy T là người cho Nguyễn Ngọc Đ cầm cố chiếc xe ô tô của công ty TNHH L nhưng anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý Hình sự đối với anh T . Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã xử phạt hành chính mức phạt 3.500.000đ đối với anh Tổng Duy T về hành vi : “ Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” .

Vũ Trường G là người dẫn Nguyễn Ngọc Đ mang tài sản chiếm đoạt được đến cầm cố cho anh Tổng Duy T nhưng anh G không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra công an thị xã B không xử lý đối với anh G .

Tại bản cáo trạng số 31 / CT-VKS-BS ngày 17/5 /2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tỉnh T đã truy tố Nguyễn Ngọc Đ về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 của BLHS năm 2015 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ

ngày tuyên án. Về hình phạt bổ xung: Đề nghị phạt bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để xung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra truy tố xét xử: các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự từ các hành vi đến việc ban hành các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra truy tố, xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 04/2/2018 Nguyễn Ngọc Đ đã lợi dụng sự quen biết với anh Trần Cao C là lái xe cho công ty TNHH L đã nhờ C thuê xe của công ty L để đi đám cưới ở thành phố Thanh hóa . Sau khi đi đám cưới về, Đại nói dối C mượn xe đi một lát sau đó sẽ quay lại nhưng sau khi nhận được xe bị cáo đã mang đi cầm lấy số tiền 120.000.000đ để trả nợ và tiêu sài cá nhân. Theo kết quả định giá tài sản trị giá chiếc xe ô tô có BKS 36 A -0662 nhãn hiệu MISUBISHI mà Đ chiếm đoạt có giá trị: **175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng)**. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội : “ **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” được quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 của BLHS năm 2015.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà thành khẩn, sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình anh Tống Duy T số tiền 120.000.000đ. Ngoài ra HĐXX cũng xét đến tình tiết giảm nhẹ ngày 12/2/2018 bị cáo đã đầu thú tại cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị cáo xuất trình giấy của người bị hại anh Trần Quốc C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo . Vì vậy, khi lượng hình bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về nhân thân: Bản thân bị cáo là cán bộ quỹ tin dụng nhân dân xã H huyện H tỉnh T. Từ trước đến nay chưa có lần nào vi phạm pháp luật nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ xung: áp dụng khoản 5 điều 174 của BLHS năm 2015 buộc bị cáo nộp phạt 10.000.000đ (mười triệu đồng) để xung công quỹ nhà nước.

[6] về trách nhiệm Dân sự: Chiếc xe ô tô BKS 36 A -0662 nhãn hiệu MISUBISHI của công ty TNHH L mà anh Trần Cao C đã thuê bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho công ty L. Công ty không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Việc bị cáo cầm chiếc xe ô tô cho anh Tổng Duy T số tiền 120.000.000đ khi đi cầm xe anh Tân không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Số tiền này đã được bị cáo và gai đình khắc phục hậu quả trả lại cho gia đình anh Tân. Anh T không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đ nộp án phí HSST là 200.000đ

Căn cứ vào những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

-Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** đã phạm tội : “ **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

- áp dụng: Điểm c khoản 2 và khoản 5 điều 174; các điểm b,s khoản 1 và khoản 2 điều 51; khoản 1,2 điều 65 BLHS năm 2015.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án (07/6/2018)

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cho UBND xã H , huyện H , tỉnh T nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 luật Thi hành án Hình sự .

***Về hình phạt bổ sung:** Buộc bị cáo phải nộp phạt số tiền **10.000.000đ** (*mười triệu đồng*) để sung công quỹ nhà nước. Số tiền này được nộp 01 (một) lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc Đ không chịu thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi xuất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS.

Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đ nộp án phí HSST là 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng).

Theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các điều 30 Luật thi hành án dân sự.

án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ và đại diện công ty L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2018). Người bị hại anh Trần Cao C và anh Tống Duy T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS B
- NTGTT
- Thi hành án HS
- Chi cục THADân sựB
- Tòa án tỉnh T
- Lưu CQ

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương

Nơi nhận:

- VKSBỉm sơn
- CABỉm sơn
- Bị cáo, người bị hại
- THAHS Bỉm sơn
- Cơ quan THA Dân sự Bỉm sơn
- Tòa án Tỉnh Thanh hóa
- Lưu

Thay mặt Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng

